

Vài nét về hoạt động sáng kiến-sáng chế của Ngành điện ảnh (1985-1987)

LUU TRỌNG HỒNG

Trong 3 năm (1985-1987), phong trào hoạt động sáng kiến-sáng chế của Ngành điện ảnh nước ta đã có những kết quả cụ thể. Nhiều sáng kiến được đánh giá cao do ý nghĩa khoa học kỹ thuật và lợi ích kinh tế thiết thực. Công tác tổ chức quản lý hoạt động này tuy có cố gắng song còn nhiều khó khăn, nhược điểm. Tác giả nêu phương hướng và biện pháp cụ thể nhằm đẩy mạnh phong trào sáng kiến-sáng chế hướng vào nội dung phục vụ 3 mục tiêu của sản xuất mà chủ yếu là nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm của ngành.

I. MỘT SỐ THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC

XUẤT phát từ đặc điểm cơ sở vật chất kỹ thuật của Ngành điện ảnh nước ta còn quá thiếu thốn, lạc hậu và không đồng bộ, cán bộ và công nhân trong ngành đã hăng hái suy nghĩ tìm tòi, đề ra được nhiều giải pháp kỹ thuật, góp phần khắc phục có hiệu quả những khó khăn nảy sinh trong quá trình sản xuất.

Trong 3 năm 1985-1987, toàn ngành có 265 sáng kiến lớn nhỏ (trong đó có 3 sáng chế) phân bố trong các đơn vị như sau: Xi nghiệp phim truyện: 46; Xi nghiệp phim tổng hợp: 11; Xi nghiệp phim tài liệu khoa học: 73; Xi nghiệp in tráng phim; Xi nghiệp Thiết bị điện ảnh: 82; Xi nghiệp phim đèn chiếu; Viện Kỹ thuật điện ảnh: 12.

Nội dung các sáng kiến đều tập trung vào việc cải tiến kết cấu nhằm chủ yếu nâng cao chất lượng và năng suất trang thiết bị, máy móc; Cải tạo hoặc sản xuất mới thiết bị, công cụ; Thay thế hoặc tận dụng nguyên vật liệu quý hiếm; nghiên cứu áp dụng những công nghệ tiên bộ trên thế giới. Một số sáng kiến tiêu biểu là:

— Nghiên cứu « Khai thác hệ đồng bộ Rotosyn và xây dựng phòng hòa âm » của Xi nghiệp phim truyện Việt Nam là một công trình có nhiều sáng tạo; sáng kiến đã góp phần nâng cao chất lượng âm thanh, cải tiến quy trình duyệt hòa âm, cải thiện điều kiện làm việc. Sáng kiến này có giá trị kinh tế cao, làm lợi cho Nhà nước trên 40 triệu đồng.

— Công trình nghiên cứu ứng dụng máy tính điện tử, thay thế thiết bị đục lỗ băng điều

khiển tự động máy in cộng màu của Xi nghiệp phim tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh với sự phối hợp của Trường đại học Bách Khoa thành phố Hồ Chí Minh đã có tác dụng thay thế được một thiết bị phải nhập bằng ngoại tệ với giá hàng chục nghìn đô la, trong khi hệ máy tính điện tử chỉ tốn hơn 1000 đô la. Với sáng kiến này xi nghiệp đã khắc phục được tình trạng thiếu đồng bộ, khai thác kịp thời máy in mới, qua đó nhanh chóng chuyển từ phương pháp in trừ màu sang phương pháp in cộng màu tiến bộ hơn, đảm bảo chất lượng tốt hơn. Ngoài ra có thể mở rộng khai thác bộ nhớ của máy tính điện tử vào những mục đích khác như tìm số cảnh, lưu trữ số liệu v.v... Phương pháp này có thể phổ biến rộng rãi.

— Sáng kiến ứng dụng vi mạch để tự chế tạo thiết bị đo tốc độ máy quay có chỉ thị số của Xi nghiệp phim tài liệu và khoa học trung ương, vừa góp phần cải tiến quy trình kiểm tra máy quay, đảm bảo độ chính xác cao, vừa tạo ra một thiết bị mới có thể ứng dụng rộng rãi.

— Viện kỹ thuật điện ảnh có hai sáng chế về cơ cấu chiếu phim liên tục bằng một máy và hệ kéo phim không có bánh xe răng vừa có giá trị khoa học vừa có thể áp dụng trong tương lai.

Ngoài những sáng kiến-sáng chế vừa có giá trị kinh tế vừa có ý nghĩa khoa học kỹ thuật nêu trên, ngành còn có nhiều sáng kiến mang lại lợi ích kinh tế cao. Thí dụ: Sáng kiến xây lắp thiết bị tự động đổi nguồn điện của Xi nghiệp phim truyện Việt Nam, đã giảm 2/3 lượng điện tiêu hao hàng năm; Sáng kiến tạo ra một công cụ đặc biệt để hoàn chỉnh trục bơm năng

3,4 tạ, sâu 65m của Xi nghiệp in tráng phim, đã có tác dụng khai thông giếng kịp thời, tiết kiệm được một khoản tiền khá lớn. Đặc biệt các sáng kiến cứu phim Kodak kém chất lượng, thu hồi bạc từ nước rửa, chế tạo bột màu từ thuốc tẩy phế thải, thay vòng bi bằng bạc teflon ở máy tráng VAB để chống đứt phim v.v... của Xi nghiệp phim tài liệu khoa học trung ương, đã mang lại cho Nhà nước và tập thể gần 10 triệu đồng. Riêng sáng kiến chế tạo bột màu từ thuốc tẩy còn có tác dụng rất lớn là không làm ô nhiễm môi trường. Ở Xi nghiệp này cũng có nhiều sáng kiến trực tiếp góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm như chống loang dính, giảm độ mờ trên phim màu v.v...

Nhiều thiết bị hoặc bộ phận quan trọng của thiết bị đã được tự chế như: bầu đèn Hal-ozen, bàn dẫn băng scotch, bộ phận quang lưu động, máy kiểm tra ống kính quay phim, máy in chữ cho tiêu đề phim v.v... của Xi nghiệp phim truyện Việt Nam; Các công trình chế tạo bộ khoảng tái hiện, hộp phim chạy vô tận cho lồng tiếng, hệ thống mô tơ ổn định tốc độ máy tráng VAB của Xi nghiệp phim tài liệu khoa học trung ương; công trình thiết kế chế tạo bộ gá mài cung khe hỗn hợp trục mal của Xi nghiệp thiết bị điện ảnh; tự chế bộ đồng hồ in phim màu của Xi nghiệp phim đèn chiếu; máy in truyện của Viện Kỹ thuật điện ảnh, và hàng chục các giải pháp kỹ thuật đầy sáng tạo khác của Xi nghiệp phim tổng hợp và các xi nghiệp khác nhằm khắc phục khó khăn về trang thiết bị, cải tiến quy trình, cải thiện điều kiện làm việc v.v... đã làm cho hoạt động sáng kiến của ngành càng thêm phong phú và thiết thực.

Nhìn chung tất cả đơn vị sản xuất và nghiên cứu của ngành đều có quan tâm đến hoạt động sáng kiến — sáng chế và đều có thành tựu hàng năm. Các đơn vị đã cử cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm để quản lý công tác này. Việc đăng ký, xét duyệt và khen thưởng sáng kiến được các đơn vị duy trì đều đặn. Thủ trưởng các đơn vị đã xét thưởng linh hoạt, động viên kịp thời, mặc dù vẫn bị nhiều hạn chế ràng buộc. Xi nghiệp phim truyện Việt Nam là đơn vị có nề nếp nhất trong hoạt động sáng kiến.

Song bên cạnh những việc đã làm được, công tác tổ chức và quản lý hoạt động sáng kiến — sáng chế các cơ sở và trong toàn ngành còn nhiều khó khăn và nhược điểm:

Trước hết, hoạt động sáng kiến chưa thành một phong trào sôi nổi trong toàn ngành. Thiếu sự phối hợp giữa chính quyền và các đoàn thể quần chúng. Tỷ lệ người có sáng kiến thấp, khoảng 8%, tỷ lệ công nhân có sáng kiến còn thấp hơn, chỉ khoảng 5%. Một số đơn vị có

điều kiện như Trường điện ảnh nhưng cũng không có hoạt động sáng kiến hoặc nghiên cứu ứng dụng.

Các sáng kiến đa số là tự phát, việc đăng ký sáng kiến chưa được tổ chức chu đáo, thiếu sự hỗ trợ của cơ sở cũng như của cấp trên, do vậy các sáng kiến tuy phong phú và đúng hướng nhưng có ít sáng kiến hoặc công trình nghiên cứu lớn, nhiều sáng kiến chưa thật hoàn thiện, còn tình trạng có sự nghiên cứu trùng lặp.

Kinh phí nghiên cứu thử nghiệm quá ít, tiền mặt rất khó khăn. Việc phổ biến áp dụng sáng kiến rộng rãi trong ngành chưa làm thường xuyên.

Việc đánh giá hiệu quả của các sáng kiến (nhất là hiệu quả kinh tế) chưa làm đầy đủ và nghiêm túc. Các cơ sở hầu như không tính toán lợi ích trực tiếp thu được bằng tiền do việc áp dụng sáng kiến, nên việc xét thưởng gặp nhiều khó khăn, thiếu cơ sở khách quan và thiếu sức thuyết phục.

Cán bộ quản lý sáng kiến đều chưa được huấn luyện nghiệp vụ, nên chưa làm tốt các thủ tục quy định trong công tác sáng kiến — sáng chế. Đặc biệt thủ tục cấp kinh phí ở cơ sở cũng như ở Liên hiệp còn rất lúng túng. Liên hiệp chỉ mới tổ chức được một số hội nghị sáng kiến mang tính chất học thuật, chưa có những hội nghị nhằm đánh giá rút kinh nghiệm trong tổ chức và quản lý hoạt động sáng kiến — sáng chế.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, BIỆN PHÁP HOẠT ĐỘNG TRONG NHỮNG NĂM TỚI

Tiếp tục phương hướng bám sát sản xuất, phục vụ 3 mục tiêu của sản xuất, nhưng với đặc điểm của ngành thì nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm vẫn là 2 mục tiêu chính.

Các đề tài nghiên cứu cũng như các giải pháp mới cần dựa trên cơ sở nghiên cứu ứng dụng là chủ yếu và tập trung vào các trọng điểm sau đây:

1. Khắc phục tình trạng non yếu về kỹ thuật trong sản xuất phim, nâng cao chất lượng màu sắc của hình ảnh, loại trừ hoàn toàn các khuyết tật cố hữu là loang và ngưng đọng nước, nâng cao chất lượng âm thanh, đảm bảo nghe rõ thoại. Nâng cao chất lượng tiếng động giả, đặc biệt trong phim hoạt hình và lời thuyết minh trong phim tài liệu, khoa học. Tập trung nghiên cứu biện pháp khắc phục hiện tượng loang màu loang giấy bóng kính trên phim hoạt hình; Nghiên cứu giải pháp chống mốc phim và làm bền màu sau khi tráng. Tăng cường kỹ thuật, kỹ xảo trong phim truyện và phim truyện và phim khoa học. Nâng cao chất lượng và ổn định quy trình làm tiêu đề và phụ đề. Đầu tư nghiên cứu

kỹ thuật quay, thu và nhân bản video. Thường xuyên nắm bắt những tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực này để giúp lãnh đạo định hướng đúng việc đầu tư phát triển kỹ thuật video ở nước ta.

2. Cải tiến nâng cao chất lượng thiết bị. Ưu tiên khôi phục các thiết bị cũ hỏng và phụ kiện quan trọng như ống kính, các loại phương tiện nhằm bảo đảm thỏa mãn một phần nhu cầu trang thiết bị hiện nay, nhưng không làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm. Nâng cao chất lượng bảo quản phim sống và nguyên vật liệu. Khuyến khích các giải pháp kỹ thuật nhằm tiết kiệm nguyên vật liệu và hạ giá thành sản phẩm đảm bảo cho việc kiểm tra đo lường tiêu chuẩn chính xác và ổn định hơn. Chú ý cải thiện điều kiện làm việc, vệ sinh công nghiệp và làm sạch môi trường.

3. Nâng cao chất lượng công tác phổ biến phim: Nhanh chóng đổi mới sản phẩm máy chiếu và cải tiến máy nổ làm nguội bằng nước. Nâng cao chất lượng tăng âm. Khuyến khích các giải pháp kỹ thuật nhằm khôi phục lại các màn ảnh kém chất lượng; nhất là màn ảnh linon. Xác định chính xác số lượt có thể qua lứa đề có biện pháp bảo đảm nâng cao tuổi thọ của phim chiếu.

Một số biện pháp cụ thể:

— Quy định cụ thể thủ tục đăng ký và cách thức xác định cấp quản lý, xét hoàn thành và quyết định khen thưởng các đề tài nghiên cứu sáng kiến thống nhất trong toàn ngành. Quy định quy trình cấp kinh phí ở các cấp cho hoạt động sáng kiến — sáng chế.

— Các cơ sở phải tổ chức hạch toán tiền làm lợi trực tiếp khi áp dụng sáng kiến. Giao cho phó giám đốc kỹ thuật các xí nghiệp quản lý toàn bộ quỹ phát triển sản xuất ở cơ sở, khâu kinh tế chỉ kiểm tra việc sử dụng quỹ này theo kế hoạch đã định và việc chấp hành các thủ tục tài chính. Các cơ sở chấp hành nghiêm chỉnh chế độ trích quỹ tập trung khoa học kỹ thuật đề gửi lên cấp trên đầy đủ và đúng hạn.

— Củng cố lại các tổ chức quản lý hoạt động sáng kiến — sáng chế, như cán bộ chuyên trách, hội đồng sáng kiến (có thể kết hợp với hội đồng kỹ thuật). Tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý hoạt động sáng kiến — sáng chế.

— Có chế độ ưu tiên đối với các đề tài của Viện kỹ thuật điện ảnh và các trường điện ảnh kỹ hợp đồng với các cơ sở sản xuất kinh doanh của ngành (hiện nay mối quan hệ này rất yếu)

Biên tập: Nguyễn Chân Giác

VÀI VẤN ĐỀ VỀ...

(Tiếp theo trang 36)

Quảng Ninh), Kênh Gà (Hà Nam Ninh), Thanh Tân (Bình Trị Thiên), Hội Văn (Nghĩa Bình) và Suối Nghệ (Đồng Nai) cũng đang bắt đầu khai thác động chai để giải khát và chữa bệnh.

Các viện an dưỡng, chữa bệnh bằng nước khoáng ở Kim Bôi, Mỹ Lâm, Quang Lãng, Tiên Lãng, Nghĩa Bình được xây dựng với 50 - 900 giường bệnh. Nước khoáng nóng ở Tiên Lãng được sử dụng ngâm lửa giếng và nuôi cá. Còn ở Mỹ Lâm thì dùng để sấy khô chè và sưởi ấm khi mùa đông giá lạnh ở Hội Văn dùng để sấy sắn và các loại màu khác.

Nước khoáng Việt Nam mới bắt đầu khai thác và sử dụng tuy chưa nhiều nhưng đã mở ra nhiều triển vọng tốt đẹp.

Nhưng công tác tìm kiếm thăm dò nước khoáng cũng cần quan tâm đến một số vấn đề sau:

— Cũng giống như tình trạng đối với nước dưới đất, công tác thăm dò nước khoáng chưa gắn liền với việc tổ chức khai thác sử dụng. Mặc dù nguồn nước khoáng của ta rất phong phú, chất lượng tốt, mức độ nghiên cứu, điều tra đánh giá khá chi tiết, nhưng việc sử dụng chúng còn rất ít ỏi, hạn chế v.v...

— Việc khai thác, sử dụng nước khoáng ở ta hiện nay trước mắt chưa nhiều, trừ lượng khai thác đôi hồi chưa lớn, do đó cần cân nhắc khi quyết định đầu tư thăm dò các vùng mỏ

mới, tránh tình trạng thăm dò ồ ạt như nhiều khoáng sản khác.

Từ tình hình thực tế nêu trên cho thấy cần lưu ý những vấn đề sau:

— Việc mở các nhiệm vụ tìm kiếm thăm dò phải dựa trên những yêu cầu cụ thể, xác đáng và chỉ thăm dò tỉ mỉ khi có khả năng khai thác, điện tích thăm dò phù hợp với mức độ sử dụng. Ngoài việc cung cấp nước cho công nghiệp và sinh hoạt cần lưu tâm đến phục vụ nông nghiệp.

— Đẩy mạnh dịch vụ khai thác nước qui mô nhỏ, kể cả khai thác nước khoáng, nước nóng phục vụ thiết thực cho các yêu cầu cấp bách của sản xuất và đời sống.

DCTV là ngành có nhiều khả năng đóng góp cho 3 chương trình kinh tế lớn, nhất là chương trình lương thực — thực phẩm và sản xuất hàng tiêu dùng. Vì vậy cần quan tâm đẩy mạnh công tác này, đảm bảo cung cấp nước sinh hoạt cho các khu dân cư, nước dùng trong công nghiệp, nông nghiệp. Riêng nước khoáng, nước nóng là loại khoáng sản có giá trị sử dụng đa dạng, ngoài ý nghĩa phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt trong nước còn có khả năng xuất khẩu. Vì vậy, các ngành hữu quan cần quan tâm sử dụng nguồn tài nguyên này vào mục đích an dưỡng, chữa bệnh, du lịch, nuôi trồng thủy sản khai thác năng lượng.

Biên tập: Nguyễn Đức Trí